

- + Tên giao dịch:
- + Tên viết tắt:
- + Tên bằng tiếng nước ngoài:

2. Thay đổi quốc tịch của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài như sau:

- Quốc tịch cũ:
- Quốc tịch mới:
- Lý do thay đổi:.....

3. Thay đổi địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài như sau:

- Địa điểm cũ:
- Địa điểm mới:
- Lý do thay đổi:.....

4. Thay đổi tên gọi văn phòng đại diện như sau:

- Tên cũ:
- Tên mới:
- Lý do thay đổi:.....

5. Thay đổi nội dung hoạt động của văn phòng đại diện như sau:

- Tên cũ:
- Tên mới:
- Lý do thay đổi:.....

Công ty sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo
(Liệt kê đầy đủ)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 17
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI TRƯỞNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/THAY ĐỔI
NGƯỜI LÀM VIỆC/THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM ĐẶT VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Chúng tôi là:

- Tên đầy đủ và tên viết tắt của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài:
- Giấy phép đặt văn phòng đại diện số..... do Bộ Tài chính cấp ngày.... tháng.... năm...

Chúng tôi xin thông báo với Bộ Tài chính đã thay nội dung dưới đây [chi ghi các nội dung thay đổi]:

1. Thay đổi Trưởng văn phòng đại diện như sau:

- Tên Trưởng đại diện cũ:

Quốc tịch:

Số hộ chiếu/CMND/thẻ căn cước công dân:

Điện thoại:

Email:

- Tên Trưởng đại diện mới:

Quốc tịch:

Số hộ chiếu/CMND/thẻ căn cước công dân:

Điện thoại:

Email:

- Lý do thay đổi:.....

2. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện như sau:

- Địa chỉ cũ:
- Địa chỉ mới:
- Số điện thoại:
- Số fax:
- Lý do thay đổi:.....

3. Thay đổi người làm việc tại văn phòng đại diện.

- Họ và tên lao động làm việc tại Văn phòng đại diện:
- Quốc tịch:
- Số hộ chiếu/CMND/thẻ căn cước công dân:
- Điện thoại:
- Email:
- Thời gian bắt đầu/chấm dứt làm việc tại Văn phòng đại diện:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung trong Đơn và các tài liệu kèm theo.
- Hoàn tất các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Hồ sơ kèm theo
(Liệt kê đầy đủ)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 18
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH



**GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH
ĐẶT VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM**

Số:.../GPĐC.../VPĐD

Ngày:

Cấp tại: Hà Nội

Nơi cấp: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../GPĐC.../VPĐD

Hà Nội, ngày tháng năm

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Giấy phép đặt văn phòng đại diện số [], ngày [] tháng [] năm [] của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của [tên doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài] tại văn bản số [] ngày [] và hồ sơ kèm theo, nộp ngày [];

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.**

Cho phép [tên doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài] được sửa đổi/bổ sung/điều chỉnh Giấy phép đặt văn phòng đại diện số [], ngày [] tháng [] năm [] của Bộ trưởng Bộ Tài chính với nội dung như sau:

.....

.....

Điều 2.

Giấy phép điều chỉnh này là bộ phận không tách rời của Giấy phép đặt văn phòng đại diện số [], ngày [] tháng [] năm [] của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Giấy phép này đồng thời có giá trị là Giấy chứng nhận sửa đổi/bổ sung/ điều chỉnh những nội dung quy định tại Điều 1 nêu trên.

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3.

Giấy phép điều chỉnh này được lập thành 5 bản chính: 1 bản cấp cho [tên của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài]; 3 bản lưu tại Bộ Tài chính; 1 bản gửi cho Sở Công thương nơi văn phòng đại diện đặt trụ sở chính.

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục 19
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm.....

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ SỬ DỤNG QUỸ BẢO VỆ
NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Chúng tôi là:

- [Tên đầy đủ và chính thức của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài]
- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày..... tháng.... năm....

- Vốn Điều lệ/Vốn được cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận cho công ty chúng tôi được sử dụng Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm để thực hiện các nội dung sau:

- Lý do sử dụng Quỹ:

- Tóm tắt việc sử dụng quỹ bảo vệ người được bảo hiểm:

- Liệt kê chi tiết số tiền phải sử dụng:

1. Đối với lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ:

1.1. Đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm mất khả năng thanh toán:

STT	Tên người được bảo hiểm	Số CMND/ thẻ căn cước công dân	Số hồ sơ yêu cầu chi trả	Số hợp đồng bảo hiểm	Tình trạng hợp đồng	Số tiền chi trả tương ứng với mức trách nhiệm của DNBH	Số tiền nợ của người được bảo hiểm	Số tiền đề nghị hỗ trợ từ Quỹ BVNĐBH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7)-(8)
1								
2								
...								
	Tổng							

1.2. Đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản:

STT	Tên người được bảo hiểm	Số CMND/ thẻ căn cước công dân	Số hồ sơ yêu cầu chi trả	Số hợp đồng bảo hiểm	Tình trạng hợp đồng	Số tiền chi trả tương ứng với mức trách nhiệm của DNBH	Số tiền đã được nhận từ thanh lý tài sản	Số tiền nợ của người được bảo hiểm	Số tiền đề nghị hỗ trợ từ Quỹ BVNDBH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (7) - (8) - (9)
1									
2									
...									
	Tổng cộng								

2. Đối với lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, sức khỏe

2.1. Đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài mất khả năng thanh toán:

STT	Tên người được bảo hiểm	Số CMND/ thẻ căn cước công dân (đối với cá nhân)/Mã số thuế (đối với tổ chức)	Số hồ sơ yêu cầu chi trả	Số hợp đồng bảo hiểm	Nghiệp vụ bảo hiểm	Số tiền chi trả tương ứng với mức trách nhiệm của DNBH	Số tiền nợ của người được bảo hiểm	Số tiền đề nghị hỗ trợ từ Quỹ BVNDBH	Số tiền phải thu nhượng tái bảo hiểm	Số tiền phải thu đòi người thứ ba
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(7)-(8)	(10)	(11)
1										
2										
3										
...										
	Tổng cộng									

2.2. Đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản:

STT	Tên người được bảo hiểm	Số CMND/ thẻ căn cước công dân (đối với cá nhân)/ Mã số thuế (đối với tổ chức)	Số hồ sơ yêu cầu chi trả	Số hợp đồng bảo hiểm	Nghiệp vụ bảo hiểm	Số tiền chi trả tương ứng với mức trách nhiệm giữ lại của DNBH	Số tiền đã được nhận từ thanh lý tài sản	Số tiền nợ của người được bảo hiểm	Số tiền đề nghị hỗ trợ từ Quỹ BVNĐBH	Số tiền phải thu nhượng tái bảo hiểm	Số tiền phải thu đòi người thứ ba
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (7) - (8) - (9)	(11)	(12)
1											
2											
3											
...											
	Tổng cộng										

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Hồ sơ kèm theo
(Liệt kê đầy đủ)

Đại diện DNBH/chi nhánh nước ngoài
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 20
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 50/2017/TT-BTC
 ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHƯƠNG ÁN KHÔI PHỤC KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Chúng tôi là:

- Tên đầy đủ và chính thức của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài;
- Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày..... tháng.... năm....

- Vốn Điều lệ/Vốn được cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Tên, địa chỉ, số điện thoại của thành viên Hội đồng quản trị (hoặc Hội đồng thành viên), thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp bảo hiểm, công ty mẹ của chi nhánh nước ngoài:

Đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận cho công ty chúng tôi được triển khai phương án khôi phục khả năng thanh toán theo các nội dung sau:

1. Tóm tắt thực trạng tình hình quản trị, tài chính và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài:

Trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau đây:

- Cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành và sở hữu của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài;

- Thực trạng tài chính và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm/ chi nhánh nước ngoài trong đó phải nêu rõ những khó khăn, yếu kém, tồn tại và nguyên nhân

dẫn đến doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài có nguy cơ mất khả năng thanh toán.

2. Nguyên nhân doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài chưa khôi phục được khả năng thanh toán.

3. Các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán, lộ trình triển khai thực hiện:

Cụ thể các biện pháp:

- Bổ sung vốn điều lệ (đối với doanh nghiệp bảo hiểm), vốn được cấp (đối với chi nhánh nước ngoài) để đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu và biên khả năng thanh toán đáp ứng quy định pháp luật (huy động các nguồn vốn bên ngoài; huy động vốn góp của các cổ đông, thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm).

- Thống kê chi tiết các khoản mục đầu tư, đánh giá hiệu quả; xây dựng phương án, biện pháp, lộ trình xử lý, thu hồi dứt điểm từng khoản mục đầu tư không hiệu quả.

- Rà soát các khoản phải thu, phải trả, xây dựng kế hoạch làm việc trực tiếp với khách nợ, chủ nợ, đối chiếu công nợ để xác định khả năng thu nợ, trả nợ; xây dựng phương án, biện pháp, lộ trình thu hồi đối với từng khách nợ; trích lập dự phòng và xử lý khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định pháp luật; xây dựng phương án, các biện pháp và lộ trình xử lý dứt điểm các khoản phải trả.

- Tiết giảm chi phí, thực hiện các khoản chi phí theo đúng quy định pháp luật.

- Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm (theo sản phẩm, nghiệp vụ bảo hiểm), tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính, hoạt động của từng chi nhánh; rà soát các hoạt động có thể dẫn đến việc làm tăng chi phí hoặc mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài; xây dựng phương án hạn chế (thu hẹp) phạm vi, lĩnh vực hoạt động và chấm dứt các hoạt động có thể dẫn đến việc làm tăng chi phí hoặc mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài.

- Rà soát toàn bộ hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực, các quỹ và dự phòng nghiệp vụ có liên quan; xây dựng phương án chuyển giao hợp đồng bảo hiểm đảm bảo các điều kiện chuyển giao hợp đồng bảo hiểm theo quy định pháp luật.

- Bán toàn bộ doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định pháp luật.

- Rà soát hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ; quy trình nghiệp vụ; tiêu chuẩn, điều kiện người quản trị, điều hành theo quy định pháp luật, đảm bảo hiệu quả hoạt động.

- Các biện pháp khác.

Chúng tôi đảm bảo các thông tin trên là đúng sự thực và cam kết sẽ chủ động tổ chức triển khai thực hiện theo phương án sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận, chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện biện pháp khôi phục khả năng thanh toán.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 1-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THÁNG

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:.....
- Báo cáo tháng:..... từ..... đến

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	So sánh với cùng kỳ năm trước (%)	
				Tháng	Lũy kế
I	Doanh thu phí bảo hiểm gốc (sau khi đã trừ giảm phí, hoàn phí bảo hiểm)				
A	Bảo hiểm sức khỏe				
1	Bảo hiểm tai nạn con người				
2	Bảo hiểm y tế				
3	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe				
B	Bảo hiểm Phi nhân thọ				
1	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại <i>Trong đó:</i> - Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng				
2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển				
3	Bảo hiểm hàng không				
4	Bảo hiểm xe cơ giới a. Bảo hiểm bắt buộc b. Bảo hiểm tự nguyện				
5	Bảo hiểm cháy, nổ a. Bảo hiểm bắt buộc b. Bảo hiểm tự nguyện				
6	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu				
7	Bảo hiểm trách nhiệm <i>Trong đó:</i> - Bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh - Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng - Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường				
8	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính				
9	Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh				
10	Bảo hiểm nông nghiệp				
11	Bảo hiểm bảo lãnh				
II	Bồi thường bảo hiểm gốc				
A	Bảo hiểm sức khỏe				
1	Bảo hiểm tai nạn con người				
2	Bảo hiểm y tế				
3	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe				
B	Bảo hiểm Phi nhân thọ				
1	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại <i>Trong đó:</i> - Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng				
2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển				
3	Bảo hiểm hàng không				
4	Bảo hiểm xe cơ giới a. Bảo hiểm bắt buộc b. Bảo hiểm tự nguyện				
5	Bảo hiểm cháy, nổ a. Bảo hiểm bắt buộc b. Bảo hiểm tự nguyện				
6	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu				

	Bảo hiểm trách nhiệm <i>Trong đó:</i>				
7	- Bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh - Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng - Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường				
8	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính				
9	Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh				
10	Bảo hiểm nông nghiệp				
11	Bảo hiểm bảo lãnh				
	Tổng cộng				

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 2-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

STT	Ngành vụ bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc (sau khi đã trừ giảm phí, hoàn phí bảo hiểm)	Nhận tái bảo hiểm (sau khi đã trừ giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm)		Nhượng tái bảo hiểm (sau khi đã trừ giảm phí, hoàn phí nhượng tái bảo hiểm)		Phí bảo hiểm giữ lại
			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
A	Bảo hiểm sức khỏe						
1	Bảo hiểm tai nạn con người						
2	Bảo hiểm y tế						
3	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe						
B	Bảo hiểm Phi nhân thọ						
1	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại <i>Trong đó:</i> - Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng						
2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển						
3	Bảo hiểm hàng không						
4	Bảo hiểm xe cơ giới <i>a. Bảo hiểm bắt buộc</i> <i>b. Bảo hiểm tự nguyện</i>						
5	Bảo hiểm cháy, nổ <i>a. Bảo hiểm bắt buộc</i> <i>b. Bảo hiểm tự nguyện</i>						
6	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu						
7	Bảo hiểm trách nhiệm <i>Trong đó:</i> - Bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh - Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng - Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường						
8	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính						
9	Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh						
10	Bảo hiểm nông nghiệp						
11	Bảo hiểm bảo lãnh						
	Tổng cộng						

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú:

Chỉ tiêu (8) là kết quả chênh lệch giữa chỉ tiêu (3) và các chỉ tiêu (4), (5), (6) và (7)

Mẫu số 3-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nghịệp vụ bảo hiểm	Kỳ báo cáo			So với cùng kỳ năm trước (%)	
		Số lượng		Số tiền bảo hiểm	Số lượng	Số tiền bảo hiểm
A	Bảo hiểm sức khỏe	Số hợp đồng	Số chi tiết		Số hợp đồng	Số chi tiết
1	Bảo hiểm tai nạn con người		- Số người tham gia			
2	Bảo hiểm y tế		- Số người tham gia			
3	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe		- Số người tham gia			
B	Bảo hiểm Phi nhân thọ					
1	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại <i>Trong đó:</i> - Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng		Số cơ sở được bảo hiểm Số cơ sở được bảo hiểm			
2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển		Số chuyến			
3	Bảo hiểm hàng không		Số máy bay			
4	Bảo hiểm xe cơ giới a. Bảo hiểm bắt buộc: - Ô tô - Mô tô 2 bánh - Xe cơ giới khác b. Bảo hiểm tự nguyện - Ô tô - Mô tô 2 bánh - Xe cơ giới khác		Số xe được bảo hiểm Số xe được bảo hiểm			
5	Bảo hiểm cháy, nổ a. Bảo hiểm bắt buộc b. Bảo hiểm tự nguyện		Số cơ sở được bảo hiểm			
6	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu		Số tàu được bảo hiểm			
7	Bảo hiểm trách nhiệm <i>Trong đó:</i> - Bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh - Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng - Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường		Số tổ chức/cá nhân được bảo hiểm Số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được bảo hiểm Số tổ chức/cá nhân được bảo hiểm Số tổ chức/cá nhân được bảo hiểm			
8	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính		Số tổ chức/cá nhân được bảo hiểm			

9	Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh		Số cơ sở được bảo hiểm				
10	Bảo hiểm nông nghiệp		Diện tích cây trồng, số vật nuôi,... được bảo hiểm				
11	Bảo hiểm bảo lãnh		Số tổ chức, cá nhân được bảo hiểm				
	Tổng cộng						

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 4-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:.....
- Báo cáo quý (năm): từ..... đến

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nghịệp vụ bảo hiểm	Bồi thường bảo hiểm gốc	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm		Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm		Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn
			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước			
A	Bảo hiểm sức khỏe								
1	Bảo hiểm tai nạn con người								
2	Bảo hiểm y tế								
3	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe								
B	Bảo hiểm Phi nhân thọ								
1	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại <i>Trong đó:</i> - Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng								
2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyên								
3	Bảo hiểm hàng không								
4	Bảo hiểm xe cơ giới <i>a. Bảo hiểm bắt buộc</i> <i>b. Bảo hiểm tự nguyện</i>								
5	Bảo hiểm cháy, nổ <i>a. Bảo hiểm bắt buộc</i> <i>b. Bảo hiểm tự nguyện</i>								
6	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu								
7	Bảo hiểm trách nhiệm <i>Trong đó:</i> - Bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh - Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng - Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường								
8	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính								
9	Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh								
10	Bảo hiểm nông nghiệp								
11	Bảo hiểm bảo lãnh								
	Tổng cộng								

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

BÁO CÁO CHI TIẾT TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

Mẫu số 5A-PNT
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 50/2017/TT-BTC
 ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nghệp vụ bảo hiểm	Phí bảo hiểm giữ lại	Dự phòng toán học	Dự phòng phí chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường			Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất	Tổng cộng dự phòng nghiệp vụ
					Theo hồ sơ yêu cầu bồi thường		Theo hệ số phát sinh bồi thường		
					Đã thông báo/yêu cầu bồi thường	Chưa thông báo/yêu cầu bồi thường			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A	Bảo hiểm sức khỏe								
1	Bảo hiểm tai nạn con người								
2	Bảo hiểm y tế								
3	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe								
B	Bảo hiểm Phi nhân thọ								
1	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại <i>Trong đó:</i> <i>- Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng</i>								
2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển								
3	Bảo hiểm hàng không								
4	Bảo hiểm xe cơ giới <i>a. Bảo hiểm bắt buộc</i> <i>b. Bảo hiểm tự nguyện</i>								
5	Bảo hiểm cháy, nổ <i>a. Bảo hiểm bắt buộc</i> <i>b. Bảo hiểm tự nguyện</i>								
6	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu								
7	Bảo hiểm trách nhiệm <i>Trong đó:</i> <i>- Bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh</i> <i>- Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng</i> <i>- Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường</i>								
8	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tái chính								
9	Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh								
10	Bảo hiểm nông nghiệp								
11	Bảo hiểm bảo lãnh								
	Tổng cộng								

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Chuyên gia tính toán dự phòng
và biên khả năng thanh toán**
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú: Chi tiêu (10) là tổng của các chi tiêu: (4), (5), (6), (7) và (9) hoặc (4), (5), (8) và (9), tùy phương pháp trích lập dự phòng bồi thường áp dụng. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài áp dụng các phương pháp khác ngoài các phương pháp nêu tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính, chi tiêu (10) là tổng của các chi tiêu (4), (5), (8) và kết quả tính trích lập dự phòng bồi thường theo phương pháp đang áp dụng.

BÁO CÁO TỔNG HỢP DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Mẫu số 5B-PNT
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 50/2017/TT-BTC
 ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.....
 - Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nghiệp vụ bảo hiểm	Dự phòng toán học			Dự phòng phí chưa được hưởng			Dự phòng bồi thường			Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất			
		Đầu kỳ	Tăng (giảm) trong kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tăng (giảm) trong kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tăng (giảm) trong kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Trích trong kỳ	Cuối kỳ	Chi trong kỳ
A	Bảo hiểm sức khỏe													
1	Bảo hiểm tai nạn con người													
2	Bảo hiểm y tế													
3	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe													
B	Bảo hiểm Phi nhân thọ													
1	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại <i>Trong đó:</i> <i>- Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng</i>													
2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển													
3	Bảo hiểm hàng không													
4	Bảo hiểm xe cơ giới <i>a. Bảo hiểm bắt buộc</i> <i>b. Bảo hiểm tự nguyện</i>													
5	Bảo hiểm cháy, nổ <i>a. Bảo hiểm bắt buộc</i> <i>b. Bảo hiểm tự nguyện</i>													
6	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu													
7	Bảo hiểm trách nhiệm <i>Trong đó:</i> <i>- Bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh</i> <i>- Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng</i> <i>- Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường</i>													
8	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính													
9	Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh													
10	Bảo hiểm nông nghiệp													
11	Bảo hiểm bảo lãnh													
	Tổng cộng													

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Chuyên gia tính toán dự phòng
và biên khả năng thanh toán**
(Ký và ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 6A-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

I. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1	Nguồn vốn chủ sở hữu				
2	Phần vốn chủ sở hữu tương ứng với biên khả năng thanh toán tối thiểu				
3	Phần vốn chủ sở hữu tương ứng với vốn pháp định				
4	Chênh lệch [(1)-(2)]				
5	Chênh lệch [(1)-(3)]				
6	Phần vốn chủ sở hữu dùng để đầu tư tài chính				
a	Đầu tư trong nước từ nguồn vốn chủ sở hữu				
b	Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn chủ sở hữu				

II. ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN TIỀN NHẬN RỒI TỪ VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục đầu tư	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ	Kết quả đầu tư
A. Đầu tư tại Việt Nam					
I. Nhóm 1:					
1. Trái phiếu Chính phủ					
2. Tín phiếu kho bạc					
3. Trái phiếu kho bạc					
4. Công trái xây dựng tổ quốc					
5. Trái phiếu chính quyền địa phương					
6. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh					
7. Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng					
(I) Cộng:					
II. Nhóm 2:					
1. Cổ phiếu					
2. Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh					
3. Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh					
4. Chứng chỉ quỹ					
5. Góp vốn vào các doanh nghiệp khác					
(II) Cộng:					
III. Nhóm 3:					
1. Kinh doanh bất động sản:					
2. Cho vay					
(III) Cộng:					

09907372

Tổng cộng A = [(I) + (II) + (III)]					
B. Đầu tư ra nước ngoài 1. Thành lập hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm ở nước ngoài 2. Thành lập chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm ở nước ngoài 3. Các danh mục đầu tư khác (liệt kê chi tiết) Tổng cộng B = [(1) + (2) + (3)]					
Tổng cộng A + B					

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 6B-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TỪ DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

I. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ:

Đơn vị: Triệu đồng

Nguồn vốn đầu tư	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Tổng dự phòng nghiệp vụ: - Dự phòng phí chưa được hưởng - Dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết - Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất				
2. Gửi tại các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam để bồi thường bảo hiểm thường xuyên trong kỳ				
3. Vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ [(1)-(2)]				

II. ĐẦU TƯ VỐN NHÀN RỎI TỪ DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ:

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục đầu tư	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ	Kết quả đầu tư
- Trái phiếu Chính phủ - Tín phiếu kho bạc - Trái phiếu kho bạc - Công trái xây dựng tổ quốc - Trái phiếu chính quyền địa phương - Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh - Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng <i>(1) Cộng:</i>					
- Mua cổ phiếu: - Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh - Mua trái phiếu doanh nghiệp (không có bảo lãnh): - Góp vốn vào các doanh nghiệp khác: - Chứng chỉ quỹ <i>(2) Cộng:</i>					
- Kinh doanh bất động sản: - Cho vay <i>(3) Cộng:</i>					
Tổng cộng: [(1) + (2) + (3)]					

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 7-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả			
2. Các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán: a) Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, chứng chỉ tiền gửi, tiền đang chuyển, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. b) Tài sản tái bảo hiểm (trừ tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm);		0% 0%	
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng tương ứng và giá trị hao mòn lũy kế (nếu có) theo quy định của pháp luật a) Các tài sản đầu tư (trừ các khoản đầu tư quy định tại điểm g, khoản 4 Mẫu này): + Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo + Trái phiếu doanh nghiệp không có đảm bảo + Cổ phiếu được niêm yết, chứng chỉ quỹ + Cổ phiếu không được niêm yết + Đầu tư vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng + Đầu tư vào bất động sản để cho thuê + Vốn góp vào các doanh nghiệp khác (trừ vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu) b) Các khoản phải thu: + Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm + Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật + Phải thu tái bảo hiểm quá hạn từ 90 ngày đến dưới 1 năm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một nhà tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu). Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0% + Phải thu tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một nhà tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu). Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%. c) Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho. d) Tài sản khác		1% 3% 15% 20% 8% 15% 20% 30% 50% 30% 50% 25% 15%	
4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán: a) Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu b) Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất d) Chi phí trả trước; các khoản tạm ứng (trừ tạm ứng từ giá trị hoàn lại), trang thiết bị và đồ dùng văn phòng; các khoản phải thu nội bộ đ) Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 02 năm trở lên; e) Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 02 năm trở lên g) Các khoản đầu tư trở lại cho các cổ đông (thành viên) góp vốn/người có liên quan quy định tại Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng		100% 100% 100% 100% 100% 100% 100%	

h) Các tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chưa thu hồi được trong vòng 01 năm kể từ khi Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực.		100%	
i) Các khoản đầu tư vào các tài sản vượt quá hạn mức quy định của pháp luật.		100%	
k) Tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm.		100%	
5. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài			
6. Biên khả năng thanh toán tối thiểu - 25% tổng phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán - 12,5% của tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán			
7. So sánh 5 và 6:			- Theo số tuyệt đối - Theo tỷ lệ %

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Chuyên gia tính toán dự phòng
và biên khả năng thanh toán**
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

**Mẫu số 8-PNT
BÁO CÁO ASEAN**

Mẫu số 8-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:
- Báo cáo năm..... từ..... đến.....

I. BÁO CÁO NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn USD

Tiêu chí	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	Bảo hiểm cháy, nổ	Bảo hiểm xe cơ giới	Các nghiệp vụ khác	Tổng số
A. Phí bảo hiểm					
1. Phí bảo hiểm gốc					
2. Phí nhận tái bảo hiểm					
a. Trong nước					
b. Từ ASEAN					
c. Từ các nước khác					
d. Tổng a+b+c					
3. Tổng phí bảo hiểm (1+2d)					
4. Phí nhượng tái bảo hiểm					
a. Trong nước					
b. Từ ASEAN					
c. Từ các nước khác					
d. Tổng a+b+c					
5. Phí bảo hiểm giữ lại (3-4d)					
6. Dự phòng phí					
a. Năm trước					
b. Năm nay					
7. Thu nhập phí bảo hiểm (5+6a-6b)					
B. Bồi thường (gồm cả chi giám định)					
1. Bồi thường gốc					
2. Bồi thường nhận tái bảo hiểm					
a. Trong nước					
b. Từ ASEAN					
c. Từ các nước khác					
d. Tổng a+b+c					
3. Tổng bồi thường bảo hiểm (1+2d)					
4. Thu bồi thường từ nhượng tái bảo hiểm					
a. Trong nước					
b. Từ ASEAN					
c. Từ các nước khác					
d. Tổng a+b+c					
5. Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (3-4d)					
6. Bồi thường chưa trả					
a. Năm trước					
b. Năm nay					
7. Dự phòng bồi thường					
a. Năm trước					
b. Năm nay					
8. Bồi thường phát sinh (5-6a+6b-7a+7b)					

II. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: nghìn USD

TÀI SẢN	Số tiền	CÔNG NỢ VÀ NGUỒN VỐN	Số tiền
Trái phiếu chính phủ		Vốn và các quỹ	
Tài sản cố định		Vốn điều lệ đã góp	
Bất động sản		Các quỹ	
Đầu tư vào bất động sản		Dự phòng đánh giá lại tài sản	
Tài sản cố định khác		Dự phòng nghiệp vụ	
Cho vay thế chấp		Dự phòng phí	
Chứng khoán doanh nghiệp có lãi suất cố định		Dự phòng bồi thường	
Cổ phiếu và các chứng khoán khác		Dự phòng khác	
Các khoản cho vay khác		Thấu chi ngân hàng	
Tiền		Bồi thường phải trả	
Tiền gửi ngân hàng		Nợ thuế	
Tiền mặt và tài khoản thanh toán		Chi phí bảo hiểm dồn tích	
Các khoản đầu tư khác		Đặt cọc phí bảo hiểm	
Thuế được hoàn trả			
Phải thu phí bảo hiểm		Phải trả doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm	
Phải thu từ doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm		Công nợ khác	
Các tài sản khác			
Tổng tài sản		Tổng công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu	

III. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: nghìn USD

Mục	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Phí bảo hiểm giữ lại	
2	Tăng (giảm) dự phòng phí	
3	Thu nhập phí bảo hiểm (1 - 2)	
4	Chi bồi thường bao gồm cả chi giám định tổn thất	
5	Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	
6	Bồi thường phát sinh (4 + 5)	
7	Hoa hồng	
8	Thuế, phí và lệ phí	
9	Chi phí chung cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm	
10	Tổng (6 + 7 + 8 + 9)	
11	Thu nhập hoạt động kinh doanh bảo hiểm (3 - 10)	
12	Thu nhập đầu tư ròng	
13	Các khoản thu nhập và chi phí khác	
14	Thu nhập ròng từ hoạt động kinh doanh chưa tính đến các khoản lãi và lỗ từ vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp, cổ tức trả cổ đông và các khoản phân bổ khác (11 + 12 + 13)	
15	Lãi và lỗ từ vốn đã được thực hiện	
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	

17	Cổ tức trả cho cổ đông	
18	Các khoản phân bổ khác	
19	Tổng (16 + 17 + 18)	
20	Thu nhập ròng đã tính đến các khoản lãi và lỗ từ vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp, cổ tức trả cổ đông và các khoản phân bổ khác (14 + 15 - 19)	

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 9-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO THAM GIA HOẠT ĐỘNG
CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO HIỂM QUA BIÊN GIỚI**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

STT	Loại hình nghiệp vụ	Tổ chức cung cấp dịch vụ môi giới bảo hiểm qua biên giới	Số lượng hợp đồng bảo hiểm cung cấp qua tổ chức môi giới	Phí bảo hiểm (triệu đồng)
	Bảo hiểm phi nhân thọ			
1	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	Tên tổ chức 1		
		Tên tổ chức 2		
		...		
	<i>Cộng:</i>	<i>Số lượng tổ chức</i>	<i>Tổng số hợp đồng</i>	<i>Tổng</i>
2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	Bảo cáo tương tự nghiệp vụ "bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại"		
3	Bảo hiểm hàng không			
4	Bảo hiểm xe cơ giới			
5	Bảo hiểm cháy, nổ			
6	Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu			
7	Bảo hiểm trách nhiệm			
8	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính			
9	Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh			
10	Bảo hiểm nông nghiệp			
11	Bảo hiểm bảo lãnh			
	<i>Tổng cộng ((1) + (2) + (10))</i>		<i>Số lượng tổ chức</i>	<i>Tổng số hợp đồng</i>

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

**BÁO CÁO THEO DÕI RIÊNG DOANH THU, CHI PHÍ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM
 THEO TỪNG LOẠI NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài:.....
- Báo cáo quý:..... từ..... đến.....

I. Trình bày chính sách ghi nhận

1. Nguyên tắc phân bổ doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

- Loại doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm:....
- Tiêu thức phân bổ doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm:.....

2. Nguyên tắc phân bổ chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

- Loại chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:.....
- Tiêu thức phân bổ chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:.....

II. Kết quả hoạt động kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Bảo hiểm sức khỏe	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường không	Bảo hiểm hàng không	Bảo hiểm xe cơ giới	Bảo hiểm cháy, nổ	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	Bảo hiểm trách nhiệm	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	Bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm bảo lãnh	Tổng cộng
I. Doanh thu phí bảo hiểm (I) = (3) + (4) + (5) 1. Doanh thu phí bảo hiểm gốc và nhận tái - Phí bảo hiểm gốc - Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc (giảm phí, hoàn phí bảo hiểm gốc) - Phí nhận tái bảo hiểm - Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm (giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm) - Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm 2. Phí nhượng tái bảo hiểm - Tổng phí nhượng tái bảo hiểm - Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm													

Chỉ tiêu	Bảo hiểm sức khỏe	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường không	Bảo hiểm hàng không	Bảo hiểm xe cơ giới	Bảo hiểm cháy, nổ	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	Bảo hiểm trách nhiệm	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	Bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm bảo lãnh	Tổng cộng
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)													
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm - Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm - Giảm trừ hoa hồng (Hoàn hoa hồng, giảm hoa hồng)													
5. Thu khác hoạt động bảo hiểm													
II. Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (II) = (5) + (6) + (7)													
1. Chi bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái - Tổng chi bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái - Các khoản thu giảm chi (Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)													
2. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm													
3. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm													
4. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm													
5. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (5)=(1)+(2)-(3)+(4)-(5)													
6. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm - Chi hoa hồng bảo hiểm - Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm - Chi quản lý đại lý bảo hiểm - Chi đề phòng, hạn chế tổn thất - Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định (chi lập quỹ bảo vệ người được bảo hiểm,...) - Chi khác													
7. Chi quản lý doanh nghiệp													

Chỉ tiêu	Bảo hiểm sức khỏe	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường không	Bảo hiểm hàng không	Bảo hiểm xe cơ giới	Bảo hiểm cháy, nổ	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	Bảo hiểm trách nhiệm	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	Bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm bảo lãnh	Tổng cộng
III. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm (III) = (I) - (II)													

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

**Chuyên gia tính toán dự phòng
và biên khả năng thanh toán**
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 11-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE CƠ GIỚI

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

TT	Dòng xe/Thời gian sử dụng xe	Số lượng xe (xe)	Số tiền bảo hiểm gốc (triệu đồng)	Tổng doanh thu phí BH gốc (triệu đồng)	Tổng số vụ bồi thường gốc (vụ)	Số tiền bồi thường bảo hiểm gốc (triệu đồng)	Dự phòng nghiệp vụ (triệu đồng)			Mức khấu trừ (triệu đồng)
							Tổng số	Dự phòng phí bảo hiểm gốc chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)
A	Xe chở hàng									
I	Xe đầu kéo									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
II	Xe đông lạnh									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
III	Xe tải hoạt động trong vùng khai thác khoáng sản									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
IV	Rơ mooc									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
V	Xe KĐVT hàng hóa/xe tải trên 10 tấn									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
B	Xe chở người									
I	Xe KĐVT hành khách liên tỉnh									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
II	Xe taxi									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
III	Xe cho thuê tự lái									

TT	Đòng xe/Thời gian sử dụng xe	Số lượng xe (xe)	Số tiền bảo hiểm gốc (triệu đồng)	Tổng doanh thu phí BH gốc (triệu đồng)	Tổng số vụ bồi thường gốc (vụ)	Số tiền bồi thường bảo hiểm gốc (triệu đồng)	Dự phòng nghiệp vụ (triệu đồng)			Mức khấu trừ (triệu đồng)
							Tổng số	Dự phòng phí bảo hiểm gốc chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
5	Trên 10 năm									
IV	Xe kinh doanh vận tải hành khách nội tỉnh									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
V	Xe KD chở người còn lại									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
VI	Xe không KD									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 15 năm									
VII	Xe bus									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
VIII	Xe tập lái									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
IX	Xe hoạt động trong nội bộ cảng, khu công nghiệp, sân bay									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
C	Xe vừa chở người vừa chở hàng									
I	Xe pick-up									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
II	Xe vừa chở người vừa chở hàng còn lại									
1	Dưới 3 năm									

TT	Dòng xe/Thời gian sử dụng xe	Số lượng xe (xe)	Số tiền bảo hiểm gốc (triệu đồng)	Tổng doanh thu phí BH gốc (triệu đồng)	Tổng số vụ bồi thường gốc (vụ)	Số tiền bồi thường bảo hiểm gốc (triệu đồng)	Dự phòng nghiệp vụ (triệu đồng)			Mức khấu trừ (triệu đồng)
							Tổng số	Dự phòng phí bảo hiểm gốc chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
	Tổng cộng									

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

Phụ lục 12-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
CÁC SẢN PHẨM BẢO HIỂM CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ,
CHI NHÁNH NƯỚC NGOÀI

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ/chi nhánh nước ngoài:.....
- Tháng báo cáo:.....

Số thứ tự	Tên sản phẩm bảo hiểm	Tên nghiệp vụ bảo hiểm	Nội dung
I	Tên sản phẩm bảo hiểm mới triển khai trong tháng		Tóm tắt nội dung chính của sản phẩm bảo hiểm
1			
2			
3			
...			
II	Tên sản phẩm bảo hiểm không còn triển khai trong tháng		Lý do không triển khai
1			
2			
3			
...			
Tổng số sản phẩm bảo hiểm đang triển khai tính đến thời điểm hiện tại:			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ tên)

....., ngày... tháng... năm...
Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 13-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

MẪU BÁO CÁO CỦA CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN DỰ PHÒNG VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài:.....
- Thời kỳ báo cáo: Từ 01/01/năm... đến 31/12/năm...

I. BÁO CÁO VỀ SẢN PHẨM BẢO HIỂM

1. Báo cáo việc tính toán phí bảo hiểm và tham gia xây dựng quy tắc, điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm trong kỳ báo cáo

Sản phẩm bảo hiểm	Tình trạng	
	Sửa đổi, bổ sung quy tắc, điều khoản, biểu phí đã ban hành	Xây dựng quy tắc, điều khoản, biểu phí mới
1. Nghiệp vụ bảo hiểm tài sản - Sản phẩm A - Sản phẩm B....		
2. Nghiệp vụ bảo hiểm trách nhiệm - Sản phẩm A - Sản phẩm....		
3. Nghiệp vụ.....		

Nhận xét, đánh giá của chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán về việc quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm đảm bảo quy định tại Khoản 5 Điều 39 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP.

2. Đánh giá chênh lệch giữa các giả định tính phí so với thực tế triển khai của từng sản phẩm:

Tên sản phẩm	Giả định tính phí (chi tiết)	Thực tế triển khai (chi tiết)	Chênh lệch giữa các giả định tính phí so với thực tế triển khai từng sản phẩm (chi tiết)	Nhận xét, đánh giá của chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán	Phương án xử lý (*)
- Sản phẩm A....					
- Sản phẩm B....					

(*) Đối với trường hợp phí bảo hiểm không bảo đảm khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài và không tương ứng với điều kiện và trách nhiệm bảo hiểm.

II. BÁO CÁO VIỆC TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Báo cáo chi tiết phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và kết quả trích lập, đảm bảo phản ánh chính xác, đầy đủ trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài theo quy định pháp luật.

III. BÁO CÁO VIỆC THAM GIA THỰC HIỆN TÁCH NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ NGUỒN PHÍ BẢO HIỂM PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT (chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ/chi nhánh nước ngoài)

Báo cáo việc tham gia thực hiện tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm theo quy định pháp luật.

IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHI BÒI THƯỜNG BẢO HIỂM

Báo cáo, đánh giá chi tiết tình hình chi bồi thường bảo hiểm theo từng sản phẩm bảo hiểm, nghiệp vụ bảo hiểm và kiến nghị, đề xuất.

V. BÁO CÁO VIỆC TÍNH TOÁN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

1. Báo cáo về việc trích lập đầy đủ dự phòng nghiệp vụ theo quy định pháp luật.

2. Báo cáo về việc tính biên khả năng thanh toán

- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp đầu kỳ (C):

- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp đầu kỳ (D):

- So sánh C và D (theo số tuyệt đối và tỷ lệ C/D):

- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp cuối kỳ (E):

- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp cuối kỳ (F):

- So sánh E/F:

- Nhận xét của Chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán về khả năng thanh toán của doanh nghiệp và sự thay đổi biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

VI. BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM E, KHOẢN 1 ĐIỀU 16 THÔNG TƯ NÀY

VII. BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH TÁI BẢO HIỂM VÀ CÁC HỢP ĐỒNG TÁI BẢO HIỂM

Báo cáo chi tiết đánh giá chương trình tái bảo hiểm và các hợp đồng tái bảo hiểm phù hợp với năng lực tài chính, quy mô kinh doanh của doanh nghiệp, chi nhánh và các quy định pháp luật hiện hành.

VIII. BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM H, KHOẢN 1 ĐIỀU 16 THÔNG TƯ NÀY

Tôi xin chịu trách nhiệm về việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định pháp luật và đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

..., ngày... tháng... năm...

**Chuyên gia tính toán dự phòng
và khả năng thanh toán**
(Ký và ghi rõ tên)

Mẫu số 1-TBH
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO DOANH THU TÁI BẢO HIỂM

Tên doanh nghiệp tái bảo hiểm:.....

Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nghịệp vụ bảo hiểm	Phí nhận tái bảo hiểm (sau khi đã trừ giảm phí, hoàn phí bảo hiểm)			Phí nhượng tái bảo hiểm (sau khi đã trừ giảm phí, hoàn phí bảo hiểm)			Phí bảo hiểm giữ lại
		Tổng	Trong nước	Ngoài nước	Tổng	Trong nước	Ngoài nước	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A	Bảo hiểm sức khỏe							
1	Bảo hiểm tai nạn con người							
2	Bảo hiểm y tế							
3	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe							
B	Bảo hiểm Phi nhân thọ							
1	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại							
2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển							
3	Bảo hiểm hàng không							
4	Bảo hiểm xe cơ giới							
5	Bảo hiểm cháy, nổ							
6	Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu							
7	Bảo hiểm trách nhiệm							
8	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính							
9	Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh							
10	Bảo hiểm nông nghiệp							
11	Bảo hiểm bảo lãnh							
C	Bảo hiểm nhân thọ							
1	Bảo hiểm trọn đời							
2	Bảo hiểm sinh kỳ							
3	Bảo hiểm tử kỳ							
4	Bảo hiểm hỗn hợp							
5	Bảo hiểm trả tiền định kỳ							
6	Bảo hiểm liên kết đầu tư							
7	Bảo hiểm hưu trí							
	Tổng cộng							

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thật.

....., ngày... tháng... năm...

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú: Chỉ tiêu (9) là kết quả chênh lệch giữa chỉ tiêu (3) và chỉ tiêu (6)

Mẫu số 2-TBH
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO BỒI THƯỜNG/TRẢ TIỀN TÁI BẢO HIỂM

- Tên doanh nghiệp tái bảo hiểm:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nghệp vụ bảo hiểm	Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm		Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm		Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn
		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		
A	Bảo hiểm sức khỏe						
1	Bảo hiểm tai nạn con người						
2	Bảo hiểm y tế						
3	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe						
B	Bảo hiểm Phi nhân thọ						
1	Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại						
2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển						
3	Bảo hiểm hàng không						
4	Bảo hiểm xe cơ giới						
5	Bảo hiểm cháy, nổ						
6	Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu						
7	Bảo hiểm trách nhiệm						
8	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính						
9	Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh						
10	Bảo hiểm nông nghiệp						
11	Bảo hiểm bảo lãnh						
C	Bảo hiểm nhân thọ						
1	Bảo hiểm trọn đời						
2	Bảo hiểm sinh kỳ						
3	Bảo hiểm tử kỳ						
4	Bảo hiểm hỗn hợp						
5	Bảo hiểm trả tiền định kỳ						
6	Bảo hiểm liên kết đầu tư						
7	Bảo hiểm hưu trí						
	Tổng cộng						

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thật.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng... năm...
Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 3-TBH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- Tên doanh nghiệp tái bảo hiểm:
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả			
2. Các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán:			
a) Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, chứng chỉ tiền gửi, tiền đang chuyển, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.		0%	
b) Tài sản tái bảo hiểm (trừ tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm);		0%	
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng tương ứng và giá trị hao mòn lũy kế (nếu có) theo quy định của pháp luật			
a) Các tài sản đầu tư (trừ các khoản đầu tư quy định tại điểm g, khoản 4 Mẫu này):			
+ Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo		1%	
+ Trái phiếu doanh nghiệp không có đảm bảo		3%	
+ Cổ phiếu được niêm yết, chứng chỉ quỹ		15%	
+ Cổ phiếu không được niêm yết		20%	
+ Đầu tư vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng		8%	
+ Đầu tư vào bất động sản để cho thuê		15%	
+ Vốn góp vào các doanh nghiệp khác (trừ vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm từ nguồn vốn chủ sở hữu)		20%	
b) Các khoản phải thu:			
+ Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm		30%	
+ Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 1 năm đến dưới 02 năm sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật		50%	
+ Phải thu tái bảo hiểm quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một nhà tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu). Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%		30%	
+ Phải thu tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một nhà tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu). Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%.		50%	
c) Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho.		25%	
d) Tài sản khác		15%	
4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán:			
a) Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu		100%	
b) Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật		100%	
c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất		100%	
d) Chi phí trả trước; các khoản tạm ứng (trừ tạm ứng từ giá trị hoàn lại), trang thiết bị và đồ dùng văn phòng; các khoản phải thu nội bộ		100%	

đ) Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 02 năm trở lên;		100%	
e) Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 02 năm trở lên.		100%	
g) Các khoản đầu tư trở lại cho các cổ đông (thành viên) góp vốn/người có liên quan quy định tại Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng		100%	
h) Các tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chưa thu hồi được trong vòng 01 năm kể từ khi Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực.		100%	
i) Các khoản đầu tư vào các tài sản vượt quá hạn mức quy định của pháp luật.		100%	
k) Tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm.		100%	
5. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp tái bảo hiểm			
6. Biên khả năng thanh toán tối thiểu - 25% tổng phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán - 12,5% của tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán			
7. So sánh 5 và 6:			- Theo số tuyệt đối - Theo tỷ lệ %

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Chuyên gia tính toán dự phòng
và biên khả năng thanh toán**
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người đại diện theo pháp luật
(Ký và đóng dấu)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THÁNG

Mẫu số 1-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo tháng:..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nghịệp vụ bảo hiểm/ hợp đồng bảo hiểm	Hợp đồng khai thác mới									Số lượng hợp đồng có hiệu lực		Số thành viên được BH có hiệu lực		Tổng doanh thu phí bảo hiểm		Số lượng hợp đồng hủy bỏ năm đầu lũy kế từ đầu năm	Trả tiền bảo hiểm (lũy kế từ đầu năm)
		Số lượng hợp đồng			Số thành viên được bảo hiểm			Phí bảo hiểm			Cuối tháng	Cùng kỳ năm trước	Cuối tháng	Cùng kỳ năm trước	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước		
		Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước								
	1. Nghịệp vụ bảo hiểm (sản phẩm bảo hiểm cá nhân):																	
	+ Bảo hiểm trọn đời																	
	+ Bảo hiểm sinh kỳ																	
	+ Bảo hiểm tử kỳ																	
	+ Bảo hiểm hỗn hợp																	
	+ Bảo hiểm trả tiền định kỳ																	
	+ Bảo hiểm liên kết đầu tư																	
	<i>Bảo hiểm liên kết chung</i>																	
	<i>Bảo hiểm liên kết đơn vị</i>																	
	+ Bảo hiểm hưu trí																	
	+ Bảo hiểm sức khỏe																	
	2. Bảo hiểm nhóm (chi tiết theo từng nghịệp vụ)																	

STT	Nghị vụ bảo hiểm/ hợp đồng bảo hiểm	Hợp đồng khai thác mới									Số lượng hợp đồng có hiệu lực		Số thành viên được BH có hiệu lực		Tổng doanh thu phí bảo hiểm		Số lượng hợp đồng hủy bỏ năm đầu lũy kế từ đầu năm	Trả tiền bảo hiểm (lũy kế từ đầu năm)
		Số lượng hợp đồng			Số thành viên được bảo hiểm			Phí bảo hiểm			Cuối tháng	Cùng kỳ năm trước	Cuối tháng	Cùng kỳ năm trước	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước		
		Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước								
	3. Hợp đồng bảo hiểm:																	
	+ Hợp đồng chính																	
	+ Hợp đồng hỗ trợ nhóm																	
	+ Hợp đồng hỗ trợ cá nhân																	
	Tổng cộng																	

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú: Phí khai thác mới bao gồm: phí bảo hiểm định kỳ năm đầu + phí bảo hiểm đóng 1 lần (khoản phí bảo hiểm định kỳ năm đầu tương đương với hợp đồng khai thác mới phát sinh trong năm tài chính).

Số lượng hợp đồng hủy bỏ năm đầu lũy kế từ đầu năm: Toàn bộ hợp đồng bảo hiểm bị hủy bỏ, chấm dứt trong năm hợp đồng đầu tiên, lũy kế từ 01 tháng 01 tới thời điểm lập báo cáo tháng.

BÁO CÁO
SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG VÀ SỐ TIỀN BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Mẫu số 2-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo tính đến quý (năm):..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

STT	TÊN NGHIỆP VỤ/SẢN PHẨM	SỐ LŨY KẾ ĐẾN KỲ BÁO CÁO						CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC							
		Số lượng hợp đồng	Số lượng thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Tuổi người được bảo hiểm bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại	Số lượng hợp đồng	Số thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Tuổi người được bảo hiểm bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại
1	Nghiệp vụ bảo hiểm từ kỳ														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
2	Nghiệp vụ bảo hiểm sinh kỳ														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
3	Nghiệp vụ Bảo hiểm hỗn hợp														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
4	Nghiệp vụ Bảo hiểm trọn đời														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
5	Nghiệp vụ Bảo hiểm trả tiền định kỳ														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														

STT	TÊN NGHIỆP VỤ/SẢN PHẨM	SỐ LŨY KẾ ĐẾN KỶ BÁO CÁO							CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC						
		Số lượng hợp đồng	Số lượng thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Tuổi người được bảo hiểm bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phi bảo hiểm gốc	Phi giữ lại	Số lượng hợp đồng	Số thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Tuổi người được bảo hiểm bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phi bảo hiểm gốc	Phi giữ lại
A	Kết quả khai thác mới														
6	Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết chung														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
7	Bảo hiểm liên kết đơn vị														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
8	Bảo hiểm hưu trí														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
9	Nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
10	Sản phẩm bảo hiểm nhóm														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
	Tổng các sản phẩm chính														
11	Sản phẩm hỗ trợ														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														

STT	TÊN NGHIỆP VỤ/SẢN PHẨM	SỐ LŨY KẾ ĐẾN KỶ BÁO CÁO							CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC						
		Số lượng hợp đồng	Số lượng thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Tuổi người được bảo hiểm bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại	Số lượng hợp đồng	Số thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Tuổi người được bảo hiểm bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại
A	Kết quả khai thác mới														
TỔNG SẢN PHẨM CHÍNH VÀ BỔ SUNG															

B	Hợp đồng có hiệu lực	Số lượng hợp đồng	Số lượng thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại	Số lượng hợp đồng	Số thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
2	Nghiệp vụ bảo hiểm sinh kỳ														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
3	Nghiệp vụ Bảo hiểm hỗn hợp														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
4	Nghiệp vụ Bảo hiểm trọn đời														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														

B	Hợp đồng có hiệu lực	Số lượng hợp đồng	Số lượng thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại	Số lượng hợp đồng	Số thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại
5	Nghiệp vụ Bảo hiểm trả tiền định kỳ														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
6	Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết chung														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
7	Bảo hiểm liên kết đơn vị														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
8	Bảo hiểm hưu trí														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
9	Nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
10	Sản phẩm bảo hiểm nhóm														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
	Tổng các sản phẩm chính														
11	Sản phẩm bổ trợ														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														

B	Hợp đồng có hiệu lực	Số lượng hợp đồng	Số lượng thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại	Số lượng hợp đồng	Số thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại
	TỔNG SẢN PHẨM CHÍNH VÀ BỔ SUNG														

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Thời hạn hợp đồng bình quân được tính tương ứng với từng sản phẩm = Tổng thời hạn hợp đồng của các hợp đồng thuộc 1 sản phẩm/ tổng số lượng hợp đồng thuộc sản phẩm đó, thời hạn hợp đồng bình quân được tính theo năm;
2. Tuổi người được bảo hiểm bình quân tính tại thời điểm giao kết hợp đồng;
3. Cột số lượng thành viên trong nhóm chỉ áp dụng cho sản phẩm bảo hiểm nhóm;
4. Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế.

(Xem tiếp Công báo số 455 + 456)

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

**Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017
hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm**

(Tiếp theo Công báo số 453 + 454)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỦY BỎ, CHẤM DỨT, ĐÁO HẠN VÀ CHI TRẢ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Mẫu số 3-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo tính đến quý (năm): từ đến

Số lũy kế đến kỳ báo cáo										Cùng kỳ năm trước																			
Năm hợp đồng thứ 1					Năm hợp đồng thứ 2					Năm hợp đồng thứ 3 +					Năm hợp đồng thứ 1					Năm hợp đồng thứ 2					Năm hợp đồng thứ 3 +				
Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/ B. Trả tiền bảo hiểm/ C. Giá trị hoàn lại/ D. Đáo hạn/ E. Khoản khác			Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/ B. Trả tiền bảo hiểm/ C. Giá trị hoàn lại/ D. Đáo hạn/ E. Khoản khác			Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/ B. Trả tiền bảo hiểm/ C. Giá trị hoàn lại/ D. Đáo hạn/ E. Khoản khác			Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/ B. Trả tiền bảo hiểm/ C. Giá trị hoàn lại/ D. Đáo hạn/ E. Khoản khác			Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/ B. Trả tiền bảo hiểm/ C. Giá trị hoàn lại/ D. Đáo hạn/ E. Khoản khác			Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/ B. Trả tiền bảo hiểm/ C. Giá trị hoàn lại/ D. Đáo hạn/ E. Khoản khác		
		Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/ B. Trả tiền bảo hiểm/ C. Giá trị hoàn lại/ D. Đáo hạn/ E. Khoản khác			Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/ B. Trả tiền bảo hiểm/ C. Giá trị hoàn lại/ D. Đáo hạn/ E. Khoản khác			Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/ B. Trả tiền bảo hiểm/ C. Giá trị hoàn lại/ D. Đáo hạn/ E. Khoản khác			Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/ B. Trả tiền bảo hiểm/ C. Giá trị hoàn lại/ D. Đáo hạn/ E. Khoản khác			Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/ B. Trả tiền bảo hiểm/ C. Giá trị hoàn lại/ D. Đáo hạn/ E. Khoản khác			Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/ B. Trả tiền bảo hiểm/ C. Giá trị hoàn lại/ D. Đáo hạn/ E. Khoản khác
A. Hợp đồng bảo hiểm hủy bỏ trong thời gian cân nhắc																													
1 Nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ																													
- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																													
2 Nghiệp vụ bảo hiểm sinh kỳ																													
- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																													
3 Nghiệp vụ Bảo hiểm hỗn hợp																													
- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																													
4 Nghiệp vụ Bảo hiểm trọn đời																													
- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																													

	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
2	Nghiệp vụ bảo hiểm sinh kỳ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
3	Nghiệp vụ Bảo hiểm hỗn hợp																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
4	Nghiệp vụ Bảo hiểm trọn đời																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
5	Nghiệp vụ Bảo hiểm trả tiền định kỳ																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
6	Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết chung																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
7	Bảo hiểm liên kết đơn vị																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
8	Bảo hiểm hưu trí																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		

	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																			
6	Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết chung																			
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																			
7	Bảo hiểm liên kết đơn vị																			
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																			
8	Bảo hiểm hưu trí																			
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																			
9	Nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe																			
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																			
10	Sản phẩm bảo hiểm nhóm																			
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																			
11	Sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ																			
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																			
TỔNG MỤC C																				
D Hợp đồng bảo hiểm đáo hạn																				
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ																			
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																			

2	Nghệp vụ Bảo hiểm sinh kỷ - Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																				
3	Nghệp vụ Bảo hiểm hỗn hợp - Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																				
4	Nghệp vụ Bảo hiểm trọn đời - Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																				
5	Nghệp vụ Bảo hiểm trả tiền định kỳ - Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																				
6	Nghệp vụ Bảo hiểm liên kết chung - Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																				
7	Bảo hiểm liên kết đơn vị - Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																				
8	Bảo hiểm hưu trí - Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																				
9	Nghệp vụ Bảo hiểm sức khỏe - Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																				

10	Sản phẩm bảo hiểm nhóm																				
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																				
11	Sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ																				
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																				
	TỔNG MỤC D																				
E	Nguyên nhân khác																				
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ																				
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																				
2	Nghiệp vụ bảo hiểm sinh kỳ																				
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																				
3	Nghiệp vụ Bảo hiểm hỗn hợp																				
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																				
4	Nghiệp vụ Bảo hiểm trọn đời																				
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																				
5	Nghiệp vụ Bảo hiểm trả tiền định kỳ																				
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																				
6	Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết chung																				

	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																	
7	Bảo hiểm liên kết đơn vị																	
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																	
8	Bảo hiểm hưu trí																	
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																	
9	Nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe																	
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																	
10	Sản phẩm bảo hiểm nhóm																	
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																	
11	Sản phẩm bổ trợ																	
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																	
TỔNG MỤC E																		
TỔNG																		

Ghi chú: Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế.
Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 4A-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG TOÁN HỌC BẢO HIỂM NHÂN THỌ

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....

- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng toán học đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng toán học trích lập tăng trong kỳ		Dự phòng toán học trích lập giảm trong kỳ		Dự phòng toán học trích lập trong kỳ		Dự phòng toán học phải trích lập cuối kỳ
		HD khai thác mới	HD tái tục	HD khai thác mới	HD tái tục	HD khai thác mới	IID tái tục	
	(1)	(2)		(3)		(4)=(2)-(3)		(5)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... Cộng:								

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

- "Dự phòng toán học đã trích lập đầu kỳ": số dư đầu kỳ của dự phòng toán học đã trích lập kỳ trước.

Mẫu số 4B-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHÍ CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng phí chưa được hưởng phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng phí chưa được hưởng trong kỳ
	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
1. Bảo hiểm tử kỳ - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 2.... <i>Cộng:</i>			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký, họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

- “Dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập đầu kỳ”: số dư đầu kỳ của dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập kỳ trước.

Mẫu số 4C-NT
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 50/2017/TT-BTC
 ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

I/ Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... - Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... <p style="text-align: center;"><i>Cộng</i></p>			

II/ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... <p style="text-align: center;"><i>Cộng</i></p>			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
 (Ký, họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo loại từng sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm

Mẫu số 4D-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CHIA LÃI

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

I/ Dự phòng cho phần lãi đã công bố

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng chia lãi đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng chia lãi phải trích lập cuối kỳ	Lãi chia đã thanh toán trong kỳ	Trích lập dự phòng chia lãi trong kỳ
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)+(2)-(1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... <i>Cộng:</i>				

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm

II/ Dự phòng cho phần lãi chưa công bố

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng chia lãi đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng chia lãi phải trích lập cuối kỳ	Lãi chia đã thanh toán trong kỳ	Trích lập dự phòng chia lãi trong kỳ
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)+(2)-(1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... <i>Cộng:</i>				

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

Mẫu số 4E-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG BẢO ĐẢM LÃI SUẤT CAM KẾT

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng lãi suất cam kết đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng lãi suất cam kết đã trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng lãi suất cam kết trong kỳ
	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
I. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... <p align="right"><i>Cộng:</i></p>			

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký, họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 4G-NT
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 50/2017/TT-BTC
 ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG BẢO ĐẢM CÂN ĐỐI

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
 - Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	Tăng (giảm)
	(1)	(2)	(3) = (2) – (1)
Lợi nhuận trước thuế			
Dự phòng bảo đảm cân đối			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
 (Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký và đóng dấu)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
 - Báo cáo quý (năm)..... từ..... đến.....

Mẫu số 5-NT
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 50/2017/TT-BTC
 ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

A. BÁO CÁO NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Nguồn vốn chủ sở hữu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ	Doanh thu đầu tư	Lợi nhuận đầu tư
I. Nguồn vốn chủ sở hữu						
1. Phần vốn chủ sở hữu bằng với vốn pháp định hoặc biên KNTT tối thiểu (tùy số nào lớn hơn)						
2. Phần vốn chủ sở hữu còn lại (sau khi trừ đi phần vốn chủ sở hữu tại mục I.1 nêu trên)						
- Đầu tư trong nước						
- Đầu tư ra nước ngoài						
II. Tổng dự phòng nghiệp vụ						
1. Gửi tại các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam để trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong kỳ						
2. Nguồn vốn nhận rồi từ dự phòng nghiệp vụ						
III. Tổng số tiền đầu tư						

Ghi chú: Số liệu về doanh thu đầu tư và lợi nhuận hoạt động đầu tư đề nghị là số lũy kế tính tới thời điểm lập báo cáo

B. BÁO CÁO CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Danh mục đầu tư	Kỳ báo cáo (Quý/Năm)							Cùng kỳ năm trước (Quý/Năm)						
	Giá trị tài sản đầu kỳ	Lãi suất bình quân (coupon)	Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ	Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư lũy kế cuối kỳ	Giá trị tài sản đầu kỳ	Lãi suất bình quân (coupon)	Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ	Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư lũy kế cuối kỳ
I. Đầu tư từ Nguồn vốn chủ sở hữu														
1. Gửi tiền tại Các tổ chức tín dụng														
- Các khoản tiền gửi dưới 3 tháng														

- Các khoản tiền gửi trên 3 tháng và dưới 1 năm																						
- Các khoản tiền gửi > 1 năm																						
2. Trái phiếu chính phủ (chi tiết theo từng thời hạn ban đầu của trái phiếu)																						
- Tín phiếu kho bạc																						
- Trái phiếu kho bạc																						
- Công trái xây dựng tổ quốc																						
3. Trái phiếu chính quyền địa phương																						
4. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh																						
5. Trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm																						
6. Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm																						
7. Cổ phiếu																						
8. Chứng chỉ quỹ																						
9. Góp vốn vào các doanh nghiệp khác																						
10. Kinh doanh bất động sản																						
11. Tạm ứng từ giá trị tài khoản của khách hàng (bao gồm cả tạm ứng để đóng phí bảo hiểm)																						
12. Khác																						
13. Ủy thác đầu tư																						
II. Đầu tư nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ																						
1. Gửi tiền tại Các tổ chức tín dụng																						
- Các khoản tiền gửi dưới 3 tháng																						
- Các khoản tiền gửi trên 3 tháng và dưới 1 năm																						
- Các khoản tiền gửi > 1 năm																						
2. Trái phiếu chính phủ (chi tiết theo từng thời hạn ban đầu trái phiếu)																						
- Tín phiếu kho bạc																						
- Trái phiếu kho bạc																						
- Công trái xây dựng tổ quốc																						
3. Trái phiếu chính quyền địa phương																						
4. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh																						
5. Trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm																						

6. Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm																				
7. Cổ phiếu																				
8. Chứng chỉ quỹ																				
9. Góp vốn vào các doanh nghiệp khác																				
10. Kinh doanh bất động sản																				
11. Tạm ứng từ giá trị tài khoản của khách hàng (bao gồm cả tạm ứng để đóng phí bảo hiểm)																				
12. Khác																				
13. Ủy thác đầu tư																				

Ghi chú: Đối với hoạt động ủy thác đầu tư, đề nghị doanh nghiệp kê chi tiết danh mục đầu tư đối với giá trị tài sản ủy thác đầu tư theo thứ tự từ 1-12.

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 6-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo tháng, quý (năm)..... từ..... đến.....

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả			
2. Các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán			
- Tiền mặt, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, tiền đang chuyển, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh không hạn chế		0%	
- Các tài sản tương ứng với các hợp đồng bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí tự nguyện		0%	
- Tài sản tái bảo hiểm (trừ tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm)		0%	
- Tạm ứng từ giá trị hoàn lại.		0%	
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán			
a) Các tài sản đầu tư:			
+ Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo		1%	
+ Trái phiếu doanh nghiệp không có đảm bảo		3%	
+ Cổ phiếu được niêm yết, chứng chỉ quỹ		15%	
+ Cổ phiếu không được niêm yết		20%	
+ Đầu tư vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng		8%	
+ Đầu tư vào bất động sản cho thuê		15%	
+ Vốn góp vào các doanh nghiệp khác (trừ vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm từ nguồn vốn chủ sở hữu)		20%	
b) Các khoản phải thu:			
+ Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm		30%	
+ Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật		50%	
+ Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm: loại trừ 30%. Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%		30%	
+ Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: loại trừ 50%. Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%;		50%	
c) Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho		25%	
d) Tài sản khác.		15%	

4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán:		
a) Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu	100%	
b) Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật	100%	
c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất	100%	
d) Chi phí trả trước, các khoản tạm ứng (trừ tạm ứng từ giá trị hoàn lại), trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ	100%	
đ) Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ 02 năm trở lên	100%	
e) Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 2 năm trở lên	100%	
g) Các khoản đầu tư trở lại cho cổ động (thành viên) góp vốn hoặc người có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	100%	
h) Các khoản đầu tư gián tiếp nước ngoài chưa thu hồi được trong vòng 01 năm kể từ khi quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực	100%	
i) Các khoản đầu tư vào các tài sản vượt quá hạn mức quy định của pháp luật	100%	
k) Tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm	100%	
5. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp		
6. Biên khả năng thanh toán tối thiểu		
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn 5 năm trở xuống		
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 5 năm		
7. So sánh 5 và 6:	- Theo số tuyệt đối	
	- Theo tỷ lệ %	

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU **CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN** **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)

BÁO CÁO ASEAN

Mẫu số 7-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo năm..... từ..... đến

I. BÁO CÁO NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn USD

Tiêu chí	Số lượng hợp đồng	Số lượng chứng nhận bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm
A. HỢP ĐỒNG KHAI THÁC MỚI			
1. Các hợp đồng không phải là bảo hiểm trả tiền định kỳ			
a) Bảo hiểm cá nhân			
i. Bảo hiểm từ kỳ			
ii. Bảo hiểm khác			
iii. Bảo hiểm liên kết đầu tư			
b) Bảo hiểm nhóm			
TỔNG SỐ			
2. Bảo hiểm trả tiền định kỳ			
B. HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM CÓ HIỆU LỰC			
1. Các hợp đồng không phải là bảo hiểm trả tiền định kỳ			
a) Bảo hiểm cá nhân			
i. Bảo hiểm từ kỳ			
ii. Bảo hiểm khác			
iii. Bảo hiểm liên kết đầu tư			
b) Bảo hiểm nhóm			
TỔNG SỐ			
2. Bảo hiểm trả tiền định kỳ			

II. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: nghìn USD

TÀI SẢN	Số tiền	CÔNG NỢ VÀ NGUỒN VỐN	Số tiền
Trái phiếu chính phủ		Vốn và các quỹ	
Tài sản cố định		Vốn điều lệ đã góp	
Bất động sản		Các quỹ	
Đầu tư vào bất động sản		Dự phòng đánh giá lại tài sản	
Tài sản cố định khác		Thặng dư quỹ chủ hợp đồng chưa chia	
Cho vay thế chấp		Dự phòng nghiệp vụ	
Chứng khoán doanh nghiệp có lãi suất cố định		Dự phòng toán học	
Cổ phiếu và các chứng khoán khác		Dự phòng phí	
Cho vay theo hợp đồng bảo hiểm		Dự phòng bồi thường	
Các khoản cho vay khác		Dự phòng khác	
Tiền		Thấu chi ngân hàng	
Tiền gửi ngân hàng		Bồi thường phải trả	
Tiền mặt và tài khoản thanh toán		Nợ thuế	
Các khoản đầu tư khác		Chi phí bảo hiểm dồn tích	
Thuế được hoàn trả		Đặt cọc phí bảo hiểm	
Phải thu phí bảo hiểm			
Phải thu từ DNBH/doanh nghiệp tái bảo hiểm		Phải trả DNBH/doanh nghiệp tái bảo hiểm	
Các tài sản khác		Công nợ khác	
Tổng tài sản		Tổng công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu	

III. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: nghìn USD

Mục	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Thu nhập phí bảo hiểm ròng	
2	Thu nhập đầu tư ròng	
3	Thu nhập khác	
4	Tổng (1+2+3)	
5	Quyền lợi bảo hiểm phát sinh a. Đáo hạn b. Từ vong c. Trả giá trị hoàn lại d. Trả tiền định kỳ đ. Khác	
6	Bảo tức trả chủ hợp đồng	
7	Tăng (giảm) dự phòng nghiệp vụ	
8	Tổng (5+6+7)	
9	Hoa hồng	
10	Thuế, phí và lệ phí	
11	Chi phí chung cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm	
12	Chi phí khác	
13	Tổng (8+9+10+11+12)	
14	Thu nhập ròng từ hoạt động kinh doanh chưa tính đến các khoản lãi và lỗ từ vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp, cổ tức trả cổ đông và các khoản phân bổ khác (4-13)	
15	Lãi và lỗ từ vốn đã được thực hiện	
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
17	Cổ tức trả cho cổ đông	
18	Các khoản phân bổ khác	
19	Tổng (16+17+18)	
20	Thu nhập ròng đã tính đến các khoản lãi và lỗ từ vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp, cổ tức trả cổ đông và các khoản phân bổ khác (14+15-19)	

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

BÁO CÁO TÁCH QUỸ, CHIA LÃI

Mẫu số 8-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo năm:..... từ..... đến.....

I. Trình bày chính sách ghi nhận

1. Nguyên tắc kế toán tách quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm và quỹ chủ sở hữu

- Ghi nhận tài sản:.....
- Ghi nhận nguồn vốn:.....
- Ghi nhận doanh thu:.....
- Ghi nhận chi phí:.....

2. Nguyên tắc phân bổ chi phí giữa quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm và quỹ chủ sở hữu:

- Loại chi phí phải phân bổ:
- Tiêu thức phân bổ theo từng loại chi phí:.....

3. Nguyên tắc phân bổ chi phí giữa các quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm:

- Loại chi phí phải phân bổ:
- Tiêu thức phân bổ theo từng loại chi phí:.....

4. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả giữa các quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm và quỹ chủ sở hữu:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Số đầu kỳ					Số phát sinh trong kỳ					Số cuối kỳ									
	Tổng số	Quỹ chủ hợp đồng				Quỹ chủ sở hữu	Tổng số	Quỹ chủ hợp đồng				Quỹ chủ sở hữu	Tổng số	Quỹ chủ hợp đồng				Quỹ chủ sở hữu		
		Quỹ không chia lãi	Quỹ chia lãi	Quỹ liên kết chung			Quỹ không chia lãi	Quỹ chia lãi	Quỹ liên kết chung			Quỹ không chia lãi	Quỹ chia lãi	Quỹ liên kết chung			
1. Phải thu/Phải trả liên quan đến bù đắp từ quỹ chủ sở hữu sang quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm: - Bù đắp thâm hụt - ... (Chi tiết theo từng giao dịch)																				
2. Phải thu/Phải trả liên quan đến khấu hao tài sản cố định																				

Ghi chú: Báo cáo chi tiết nội dung, lý do giao dịch bù đắp giữa các quỹ chủ hợp đồng và quỹ chủ sở hữu

II. Tài sản, nợ phải trả và kết quả hoạt động

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Quý chủ hợp đồng							Quý chủ sở hữu		Tổng số	
	Số đầu năm				Số cuối năm			Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
	Quý chủ hợp đồng không chia lãi	Quý chủ hợp đồng chia lãi	Quý liên kết chung	...	Quý chủ hợp đồng không chia lãi	Quý chủ hợp đồng chia lãi	Quý liên kết chung				
I- TÀI SẢN, NỢ PHẢI TRẢ											
A- TÀI SẢN											
1. Tài sản đầu tư tài chính											
1. Tiền gửi kỳ hạn											
2. Trái phiếu + Trái phiếu kho bạc thời hạn... + Trái phiếu Công ty... +											
3. Cổ phiếu + Cổ phiếu A + Cổ phiếu B +											
II. Tài sản không mang đi đầu tư											
1. Tiền											
2. Phải thu (chi tiết các khoản phải thu)											
3. Tài sản cố định (chi ghi nhận cho quý chủ sở hữu)											
4. Khác											
5. Phải thu nội bộ giữa các quỹ											
- Bù đắp thâm hụt quỹ											
- Quỹ mới											
- Lãi đầu tư từ phân vốn bù đắp (chi tiết đối với từng khoản mục bù đắp)											
-..... (chi tiết từng giao dịch)											
Cộng tài sản											
B- NGUỒN VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ											
I. Nguồn vốn											
1. Quỹ mới											
2. Lãi/lỗ lũy kế											
II. Nợ phải trả											
1. Nợ ngắn hạn											
2. Nợ dài hạn											
3. Dự phòng											

Chi tiêu	Quý chủ hợp đồng								Quý chủ sở hữu		Tổng số	
	Số đầu năm				Số cuối năm				Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
	Quý chủ hợp đồng không chia lãi	Quý chủ hợp đồng chia lãi	Quý liên kết chung	...	Quý chủ hợp đồng không chia lãi	Quý chủ hợp đồng chia lãi	Quý liên kết chung	...				
4. Phải trả nội bộ giữa các quý												
- Bù đắp thâm hụt quý												
- Quý mới												
- Lãi đầu tư từ phần vốn bù đắp (chi tiết đối với từng khoản mục bù đắp)												
-..... (chi tiết từng giao dịch)												
Cộng nguồn vốn												
C- TÀI SẢN THUẬN												
II- DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG												
D- Doanh thu												
I. Doanh thu phí bảo hiểm												
1. Doanh thu phí bảo hiểm gốc												
2. Các khoản giảm trừ doanh thu												
II. Doanh thu từ hoạt động đầu tư												
III. Doanh thu khác												
Đ- Chi phí												
I. Chi phí kinh doanh bảo hiểm												
1. Chi trả tiền bảo hiểm												
2. Chi phí khai thác hợp đồng												
3. Chi phí trích lập dự phòng												
4. Chi phí trực tiếp khác												
II. Chi phí quản lý												
III. Chi phí hoạt động đầu tư												
IV. Chi phí khác												
E- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG												
- Phân chia kết quả hoạt động giữa quý chủ hợp đồng bảo hiểm và quý chủ sở hữu trong năm												
- Số bù đắp của quý chủ sở hữu cho quý chủ hợp đồng bảo hiểm trong năm												

III. Phân chia thặng dư

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Quý chủ hợp đồng tham gia chia lãi	Quý chủ sở hữu	Quý chủ hợp đồng tham gia chia lãi	Quý chủ sở hữu	Quý chủ hợp đồng tham gia chia lãi	Quý chủ sở hữu
1. Dự phòng chia lãi						
2. Dự phòng lãi chưa chia						
3. Lãi phải trả cho chủ hợp đồng trong năm						
4. Lãi đã trả cho chủ hợp đồng trong năm						
5. Chi khác						
6. Lãi chia cho chủ sở hữu: - Số tuyệt đối: - Số tương đối (bằng số tuyệt đối chia cho tổng số lãi đem đi chia cho chủ hợp đồng bảo hiểm):						

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, họ tên, đóng dấu)

BÁO CÁO QUY MÔ KÊNH PHÂN PHỐI

Mẫu số 9-NT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm.....
- Báo cáo tính đến quý (năm)..... từ..... đến.....

Số lũy kế đến kỳ báo cáo												Cùng kỳ năm trước																																			
Số lượng đại lý tuyển dụng mới						Số lượng đại lý đang hoạt động						Số lượng đại lý tuyển dụng mới						Số lượng đại lý đang hoạt động																													
Đại lý cá nhân	Kênh khác					Đại lý cá nhân	Kênh khác					Đại lý cá nhân	Kênh khác					Đại lý cá nhân	Kênh khác																												
	Ngân hàng		Tổ chức khác (nếu rõ)		Kênh phân phối khác (nếu rõ)		Ngân hàng		Tổ chức khác (nếu rõ)		Kênh phân phối khác (nếu rõ)		Ngân hàng		Tổ chức khác (nếu rõ)		Kênh phân phối khác (nếu rõ)		Ngân hàng		Tổ chức khác (nếu rõ)		Kênh phân phối khác (nếu rõ)																								
	Số lượng	Cá nhân trực thuộc	Số lượng	Cá nhân trực thuộc	Số lượng		Cá nhân trực thuộc	Số lượng	Cá nhân trực thuộc	Số lượng	Cá nhân trực thuộc		Số lượng	Cá nhân trực thuộc	Số lượng	Cá nhân trực thuộc	Số lượng		Cá nhân trực thuộc	Số lượng	Cá nhân trực thuộc	Số lượng	Cá nhân trực thuộc	Số lượng	Cá nhân trực thuộc																						

Ghi chú: Số liệu tại thời điểm báo cáo là số lũy kế

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và đóng dấu)

..., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

BÁO CÁO DOANH THU THEO KÊNH PHÂN PHỐI

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
 - Báo cáo tính đến quý (năm)..... từ..... đến.....

Số lũy kế đến kỳ báo cáo										Cùng kỳ năm trước									
Doanh thu phí khai thác mới					Tổng doanh thu phí					Doanh thu phí khai thác mới					Tổng doanh thu phí				
Đại lý cá nhân	Kênh khác				Đại lý cá nhân	Kênh khác				Đại lý cá nhân	Kênh khác				Đại lý cá nhân	Kênh khác			
	Ngân hàng	Tổ chức khác (nếu rõ)	Telemarketing	Kênh phân phối khác (nếu rõ)		Ngân hàng	Tổ chức khác (nếu rõ)	Telemarketing	Kênh phân phối khác (nếu rõ)		Ngân hàng	Tổ chức khác (nếu rõ)	Telemarketing	Kênh phân phối khác (nếu rõ)		Ngân hàng	Tổ chức khác (nếu rõ)	Telemarketing	Kênh phân phối khác (nếu rõ)

Ghi chú: Số liệu tại thời điểm báo cáo là số lũy kế.

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký và đóng dấu)

..., ngày..... tháng..... năm.....
 NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký và đóng dấu)

Mẫu số 11-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG**

- Tên doanh nghiệp:.....
- Báo cáo tính đến quý (năm): từ..... đến.....

STT	Nội dung	Số lũy kế đến kỳ báo cáo			Cùng kỳ năm trước		
		Tên Địa điểm	Địa chỉ	Số lượng	Tên Địa điểm	Địa chỉ	Số lượng
1	Chi nhánh						
	Tổng số						
2	Văn phòng đại diện						
	Tổng số						
3	Trung tâm dịch vụ khách hàng/Địa điểm kinh doanh/Văn phòng Kinh doanh						
	Tổng số						
4	Mô hình khác (theo cơ cấu tổ chức của Doanh nghiệp)						
	Tổng số						

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 13-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CỦA CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Thời kỳ báo cáo: Từ 01/01/năm... đến 31/12/năm...

I. BÁO CÁO VỀ SẢN PHẨM BẢO HIỂM

1. Về cơ cấu sản phẩm:

1.1. Báo cáo về sản phẩm:

Tên sản phẩm	Tình trạng (*)	Tỷ trọng theo doanh thu (%)	Tỷ trọng theo số lượng hợp đồng khai thác mới (%)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2....			

(*): Tình trạng là một trong 3 tình trạng sau:

- Ngừng triển khai trong kỳ
- Mới triển khai trong kỳ
- Đang triển khai: đối với các sản phẩm đã bắt đầu triển khai từ những kỳ trước và vẫn tiếp tục được triển khai.

1.2. Nhận xét, đánh giá của Chuyên gia tính toán về sự thay đổi cơ cấu sản phẩm của doanh nghiệp trong kỳ.

2. Đánh giá các giả định tính phí và tính dự phòng:

Giả định tính phí

Tên sản phẩm	Giả định tính phí đang áp dụng				Thực tế tại doanh nghiệp				Chênh lệch giữa thực tế và giả định				Ghi chú
	Lãi suất	Bảng tỷ lệ từ vong	Chi phí	(..)(*)	Lãi suất	Bảng tỷ lệ từ vong	Chi phí	(..)(*)	Lãi suất	Bảng tỷ lệ từ vong	Chi phí	(..)(*)	
Sản phẩm A													
.....													

Giả định tính dự phòng

Tên sản phẩm	Các thay đổi đã được phê chuẩn trong năm (**)			Cơ sở tính dự phòng hiện tại			Ghi chú (***)
	Lãi suất	Bảng tỷ lệ từ vong	(..)(*)	Lãi suất	Bảng tỷ lệ từ vong	(..)(*)	
Sản phẩm A							
.....							

(*): Các giả định khác

(**): Các thay đổi trong giả định tính dự phòng đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trong năm và sẽ được áp dụng trong năm kế tiếp.

(***) Phần ghi chú để trình bày cơ sở của các thay đổi này (ví dụ: trên cơ sở các thống kê từ tỷ lệ thực tế của công ty, các nghiên cứu, thống kê được công bố, các tỷ lệ cung cấp của công ty tái bảo hiểm...).

Nhận xét, đánh giá của chuyên gia tính toán về tính hợp lý của các giả định mới áp dụng.

3. Doanh thu phí và tỷ lệ trả tiền bảo hiểm

Tên sản phẩm	Tổng doanh thu phí trong kỳ (A)	Tổng số tiền bồi thường và trả tiền bảo hiểm trong kỳ (B)	Tỷ lệ B/A (%)
Sản phẩm A			
.....			

II. BÁO CÁO VỀ PHÂN CHIA THẶNG DƯ

	Chủ sở hữu	Chủ hợp đồng chia lãi	Chủ hợp đồng không chia lãi	Quỹ liên kết chung (*)
Thặng dư phát sinh trong kỳ					
Thặng dư phân chia trong kỳ - Chủ hợp đồng - Chủ sở hữu					
Thặng dư giữ lại trong kỳ					
Tổng thặng dư giữ lại (số lũy kế đến cuối kỳ)					

(*) Các quỹ khác theo nguyên tắc tách quỹ của doanh nghiệp

- Nhận xét của Chuyên gia tính toán về việc đảm bảo phân chia thặng dư theo nguyên tắc đã đăng ký với Bộ Tài chính và quy định của pháp luật.

III. BÁO CÁO VỀ BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp đầu kỳ (C):
- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp đầu kỳ (D):
- So sánh C và D (theo số tuyệt đối và tỷ lệ C/D):
- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp cuối kỳ (E):
- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp cuối kỳ (F):
- So sánh E/F:
- Nhận xét của Chuyên gia tính toán về khả năng thanh toán của doanh nghiệp và sự thay đổi biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

IV. BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN VÀ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ

- Chính sách, quy trình, và kiểm soát của công ty liên quan đến hoạt động đầu tư của các quỹ.
- Phương thức định giá tài sản cho từng loại hình tài sản đầu tư.
- Sự tương xứng về thời hạn, tính thanh khoản, và bản chất rủi ro giữa tài sản có và tài sản nợ của các quỹ.

	Chủ hợp đồng chia lãi	Chủ hợp đồng không chia lãi	Quỹ liên kết chung (*)
Tổng tài sản				
Thời hạn trung bình của tài sản				
Tổng dự phòng				
Thời hạn trung bình còn lại của các hợp đồng đang có hiệu lực				

(*) Các quỹ khác theo nguyên tắc tách quỹ của doanh nghiệp

- Nhận xét của Chuyên gia tính toán về mức độ hợp lý giữa thời hạn của tài sản đầu tư và mức trách nhiệm cam kết của doanh nghiệp.

- Mức độ sử dụng công cụ phái sinh tài chính (nếu có), và ảnh hưởng của công cụ phái sinh tài chính đến rủi ro đầu tư của các Quỹ.

- Kết quả đầu tư của từng Quỹ trong năm tài chính báo cáo.

Đối với các nội dung chính trên, Chuyên gia tính toán cần nêu ra ý kiến của mình về sự tương thích của chính sách đầu tư hiện hành với bản chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong từng quỹ. Nếu Chuyên gia tính toán nhận thấy chính sách hiện hành không thích hợp, Chuyên gia tính toán cần nêu ra đề xuất để khắc phục.

Tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

..., ngày tháng... năm...

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN

(Ký và ghi rõ tên)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THÁNG

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
 - Báo cáo tháng:..... từ..... đến.....

Mẫu số 1-SK
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 50/2017/TT-BTC
 ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nghệp vụ bảo hiểm	Hợp đồng khai thác mới									Số lượng hợp đồng có hiệu lực		Số thành viên được BH có hiệu lực		Tổng doanh thu phí bảo hiểm		Số lượng hợp đồng hủy bỏ năm đầu lũy kế từ đầu năm	Trả tiền bảo hiểm
		Số lượng hợp đồng			Số thành viên được bảo hiểm			Phí bảo hiểm			Cuối tháng	Cuối năm	Cuối tháng	Cuối năm	Lũy kế	Lũy kế năm trước		
		Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước								
1	Bảo hiểm tai nạn con người																	
2	Bảo hiểm y tế																	
3	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe																	
	Tổng cộng																	

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký và đóng dấu)

Ghi chú: Phí khai thác mới bao gồm: phí bảo hiểm định kỳ năm đầu + phí bảo hiểm đóng 1 lần. Số liệu này tương đương với số liệu ghi nhận tại tài khoản doanh thu phí bảo hiểm năm đầu của bộ phận kế toán.

BÁO CÁO
SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG VÀ SỐ TIỀN BẢO HIỂM SỨC KHỎE

Mẫu số 2-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/3/2017 của Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

Đơn vị: triệu đồng

STT	TÊN NGHIỆP VỤ/ SẢN PHẨM	KỶ BÁO CÁO (Quý/Năm)						CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC (Quý/Năm)							
		Số lượng hợp đồng	Số lượng thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Tuổi người được bảo hiểm bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại	Số lượng hợp đồng	Số thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Tuổi người được bảo hiểm bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại
A	Kết quả khai thác mới														
1	Nghệp vụ bảo hiểm tai nạn con người														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
2	Nghệp vụ bảo hiểm y tế														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
3	Nghệp vụ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
	TỔNG CỘNG														

CÔNG BÁO/Số 455 + 456/Ngày 20-6-2017

37

B	Hợp đồng có hiệu lực	Số lượng hợp đồng	Số lượng thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại	Số lượng hợp đồng	Số thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tai nạn con người														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
2	Nghiệp vụ bảo hiểm y tế														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
3	Nghiệp vụ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe														
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)														
	TỔNG CỘNG														

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Thời hạn hợp đồng bình quân được tính tương ứng với từng sản phẩm = Tổng thời hạn hợp đồng của các hợp đồng thuộc 1 sản phẩm/tổng số lượng hợp đồng thuộc sản phẩm đó;
2. Tuổi người được bảo hiểm bình quân tính tại thời điểm giao kết hợp đồng;
3. Cột số lượng thành viên trong nhóm chỉ áp dụng cho sản phẩm bảo hiểm nhóm;
4. Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỦY BỎ, CHẤM DỨT, ĐÁO HẠN
VÀ CHI TRẢ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SỨC KHỎE**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo tháng:..... từ..... đến.....

Số lũy kế đến kỳ báo cáo									Cùng kỳ năm trước								
Năm hợp đồng thứ 1			Năm hợp đồng thứ 2			Năm hợp đồng thứ 3 +			Năm hợp đồng thứ 1			Năm hợp đồng thứ 2			Năm hợp đồng thứ 3 +		
Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	Đào hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	Đào hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	Đào hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	Đào hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	Đào hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	Đào hạn/E. Khoản khác

A Hợp đồng bảo hiểm hủy bỏ trong thời gian cần nhắc																	
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tai nạn con người																
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																
2	Nghiệp vụ bảo hiểm y tế																
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																
3	Nghiệp vụ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe																
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																
TỔNG MỤC A																	
B Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt do xảy ra sự kiện bảo hiểm																	
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tai nạn con người																
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																

E Nguyên nhân khác																			
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tai nạn con người																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
2	Nghiệp vụ bảo hiểm y tế																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
3	Nghiệp vụ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe																		
	- Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)																		
TỔNG MỤC E																			

Ghi chú: Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế.

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 4A-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG TOÁN HỌC BẢO HIỂM SỨC KHỎE

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng toán học đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng toán học trích lập tăng trong kỳ		Dự phòng toán học trích lập giảm trong kỳ		Dự phòng toán học trích lập trong kỳ		Dự phòng toán học phải trích lập cuối kỳ
		HĐ khai thác mới	HĐ tái tục	HĐ khai thác mới	HĐ tái tục	HĐ khai thác mới	HĐ tái tục	
	(1)	(2)		(3)		(4) = (2) - (3)		(5)
1. Bảo hiểm tai nạn con người - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... Cộng:								

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm.
- "Dự phòng toán học đã trích lập đầu kỳ": số dư đầu kỳ của dự phòng toán học đã trích lập kỳ trước.

Mẫu số 4B-SK
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 50/2017/TT-BTC
 ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHÍ CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG BẢO HIỂM SỨC KHỎE

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng phí chưa được hưởng phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng phí chưa được hưởng trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
1. Bảo hiểm tai nạn con người - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 2. Bảo hiểm y tế - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 3. Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm <i>Cộng:</i>			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các mục 1, 2, 3 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.
- “Dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập đầu kỳ”: số dư đầu kỳ của dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập kỳ trước.

Mẫu số 4C-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

I/ Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
1. Bảo hiểm tai nạn con người - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm			
2. Bảo hiểm y tế - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm			
3. Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm			
<i>Cộng</i>			

II/ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
1. Bảo hiểm tai nạn con người - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm			
2. Bảo hiểm y tế - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm			
3. Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm			
<i>Cộng</i>			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các mục 1, 2, 3 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo loại từng sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

Mẫu số 4D-SK
 (Ban hành kèm theo Thông tư
 số 50/2017/TT-BTC
 ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO
 TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG BẢO ĐẢM CÂN ĐỐI**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
 - Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	Tăng (giảm)
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
Lợi nhuận trước thuế Dự phòng bảo đảm cân đối			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký và đóng dấu)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

- Tên doanh nghiệp:.....
- Báo cáo quý (năm): từ..... đến.....

Đơn vị: Triệu đồng

Mẫu số 5-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 50/2017/TT-BTC
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

A. BÁO CÁO NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Nguồn vốn đầu tư	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ	Doanh thu đầu tư	Lợi nhuận đầu tư
I. Nguồn vốn chủ sở hữu						
1. Nguồn vốn chủ sở hữu						
2. Phần vốn chủ sở hữu tương ứng với biên khả năng thanh toán tối thiểu						
3. Phần vốn chủ sở hữu tương ứng với vốn pháp định						
4. Phần vốn chủ sở hữu để đầu tư tài chính						
- Đầu tư trong nước từ nguồn vốn chủ sở hữu						
- Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn chủ sở hữu						
II. Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm:						
1. Tổng dự phòng nghiệp vụ						
- Dự phòng toán học						
- Dự phòng phí chưa được hưởng						
- Dự phòng bồi thường						
- Dự phòng chia lãi						
- Dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết						
- Dự phòng bảo đảm cân đối						
2. Gửi tại các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam để trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong kỳ						
3. Nguồn vốn nhận rồi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm						
III. Tổng số tiền đầu tư						

Ghi chú: Số liệu về doanh thu đầu tư và lợi nhuận hoạt động đầu tư đề nghị là số lũy kế tính tới thời điểm lập báo cáo

B. BÁO CÁO CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Danh mục đầu tư	Kỳ báo cáo (Quý/Năm)						Cùng kỳ năm trước (Quý/Năm)						
	Giá trị tài sản đầu kỳ	Lãi suất bình quân (coupon)	Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ	Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ	Giá trị tài sản đầu kỳ	Lãi suất bình quân (coupon)	Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ	Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư lũy kế cuối kỳ
I. Đầu tư Nguồn vốn chủ sở hữu													
1. Gửi tiền tại Các tổ chức tín dụng													
- Các khoản tiền gửi dưới 3 tháng													
- Các khoản tiền gửi trên 3 tháng và dưới 1 năm													
- Các khoản tiền gửi > 1 năm													
2. Trái phiếu chính phủ <i>(chi tiết theo từng thời hạn ban đầu của trái phiếu)</i>													
- Tín phiếu kho bạc													
- Trái phiếu kho bạc													
- Công trái xây dựng tổ quốc													
3. Trái phiếu chính quyền địa phương													
4. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh													
5. Trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm													
6. Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm													
7. Cổ phiếu													
8. Chứng chỉ quỹ													
9. Góp vốn vào các doanh nghiệp khác													
10. Kinh doanh bất động sản													
11. Tạm ứng từ giá trị tài khoản của khách hàng <i>(bao gồm cả tạm ứng để đóng phí bảo hiểm)</i>													
12. Khác													
13. Ủy thác đầu tư													

II. Đầu tư nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ																			
1. Gửi tiền tại Các tổ chức tín dụng																			
- Các khoản tiền gửi dưới 3 tháng																			
- Các khoản tiền gửi trên 3 tháng và dưới 1 năm																			
- Các khoản tiền gửi > 1 năm																			
2. Trái phiếu chính phủ (chi tiết theo từng thời hạn ban đầu trái phiếu)																			
- Tín phiếu kho bạc																			
- Trái phiếu kho bạc																			
- Công trái xây dựng tổ quốc																			
3. Trái phiếu chính quyền địa phương																			
4. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh																			
5. Trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm																			
6. Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm																			
7. Cổ phiếu																			
8. Chứng chỉ quỹ																			
9. Góp vốn vào các doanh nghiệp khác																			
10. Kinh doanh bất động sản																			
11. Tạm ứng từ giá trị tài khoản của khách hàng (bao gồm cả tạm ứng để đóng phí bảo hiểm)																			
12. Khác																			
13. Ủy thác đầu tư																			

Ghi chú: Đối với hoạt động ủy thác đầu tư, đề nghị doanh nghiệp kê chi tiết danh mục đầu tư đối với giá trị tài sản ủy thác đầu tư theo thứ tự từ 1 - 12. Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 6-SK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
 - Báo cáo tháng, quý (năm)..... từ..... đến.....

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả			
2. Các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán			
a) Tiền mặt, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, tiền đang chuyển, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh không hạn chế		0%	
b) Tài sản tái bảo hiểm (trừ tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm)		0%	
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán			
a) Các tài sản đầu tư:			
+ Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo		1%	
+ Trái phiếu doanh nghiệp không có đảm bảo;		3%	
+ Cổ phiếu được niêm yết, chứng chỉ quỹ;		15%	
+ Cổ phiếu không được niêm yết;		20%	
+ Đầu tư vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng;		8%	
+ Đầu tư vào bất động sản cho thuê;		15%	
+ Vốn góp vào các doanh nghiệp khác (trừ vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm từ nguồn vốn chủ sở hữu)		20%	
b) Các khoản phải thu:			
+ Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ chín mươi (90) ngày đến dưới 1 năm;		30%	
+ Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật;		50%	
+ Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm: loại trừ 30%. Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%;		30%	
+ Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: loại trừ 50%. Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%.		50%	
c) Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho.		25%	
d) Tài sản khác.		15%	
4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán:			
a) Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác khác từ nguồn vốn chủ sở hữu;		100%	
b) Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật;		100%	
c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất;		100%	
d) Chi phí trả trước, các khoản tạm ứng (trừ tạm ứng từ giá trị hoàn lại), trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ;		100%	
d) Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn trên 02 năm;		100%	